

Số: **543** /VEAM-TCKT

Hà Nội, ngày **30** tháng 7 năm 2021

V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế
thay đổi từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm trước

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Quý cổ đông.

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM) với mã chứng khoán VEA giải trình về lợi nhuận sau thuế TNDN của Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất VEAM Quý II năm 2021 và 6 tháng đầu năm 2021 thay đổi từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm trước như sau:

1. Báo cáo tài chính Công ty mẹ (Báo cáo tài chính tổng hợp):

Lợi nhuận sau thuế quý II năm 2021 và Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty mẹ thay đổi như sau:

Bảng 1.1: Biến động kết quả hoạt động kinh doanh quý II/2021

CHỈ TIÊU	Quý II/2021 (VND)	Quý II/2020 (VND)	Chênh lệch	
			Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Doanh thu thuần về BH & CCDV	209.579.284.725	125.868.128.057	83.711.156.668	67%
Giá vốn hàng bán	186.518.728.476	120.844.325.177	65.674.403.299	54%
Lợi nhuận gộp về BH & CCDV	23.060.556.249	5.023.802.880	18.036.753.369	359%
Doanh thu hoạt động tài chính	5.050.368.698.515	6.345.958.405.442	(1.295.589.706.927)	-20%
Chi phí bán hàng	6.054.769.031	3.266.138.293	2.788.630.738	85%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	37.766.715.592	35.220.047.691	2.546.667.901	7%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	4.995.564.992.965	6.263.857.433.680	(1.268.292.440.715)	-20%

Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ quý II/2021 giảm 20% tương đương 1.268.292.440.715 đồng so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do doanh thu hoạt động tài chính (cổ tức, lợi nhuận được chia từ các đơn vị có vốn góp của VEAM, lãi tiền gửi ngân hàng) giảm 20% tương đương 1.295.589.706.927 đồng.



Bảng 1.2: Biến động kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021

CHỈ TIÊU	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020 (VND)	Chênh lệch	
			Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Doanh thu thuần về BH & CCDV	343.374.684.994	215.865.104.478	127.509.580.516	59%
Giá vốn hàng bán	305.497.322.728	212.096.502.200	93.400.820.528	44%
Lợi nhuận gộp về BH & CCDV	37.877.362.266	3.768.602.278	34.108.759.988	905%
Doanh thu hoạt động tài chính	5.226.980.154.082	6.564.544.267.087	(1.337.564.113.005)	-20%
Chi phí bán hàng	10.601.017.126	7.851.416.382	2.749.600.744	35%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	65.027.736.879	71.997.775.346	(6.970.038.467)	-10%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.124.711.534.777	6.398.071.294.455	(1.273.359.759.678)	-20%

Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ 6 tháng đầu năm 2021 giảm 20% tương đương 1.273.359.759.678 đồng so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do doanh thu hoạt động tài chính (*cổ tức, lợi nhuận được chia từ các đơn vị có vốn góp của VEAM, lãi tiền gửi ngân hàng*) giảm 20% tương đương 1.337.564.113.005 đồng.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất VEAM:

Lợi nhuận sau thuế quý II năm 2021 và Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2021 của hợp nhất VEAM thay đổi như sau:

Bảng 2.1: Biến động kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý II/2021

CHỈ TIÊU	Quý II/2021 (VND)	Quý II/2020 (VND)	Chênh lệch	
			Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Doanh thu thuần về BH & CCDV	1.067.937.669.823	760.922.038.042	307.015.631.781	40%
Giá vốn hàng bán	926.789.855.556	678.099.578.990	248.690.276.566	37%
Lợi nhuận gộp về BH & CCDV	141.147.814.267	82.822.459.052	58.325.355.215	70%
Doanh thu hoạt động tài chính	200.877.962.756	253.913.169.998	(53.035.207.242)	-21%
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	1.530.777.325.718	770.964.347.842	759.812.977.876	99%
Chi phí bán hàng	19.457.258.182	16.292.606.477	3.164.651.705	19%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	97.183.375.148	87.900.047.281	9.283.327.867	11%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.709.268.528.530	951.796.834.774	757.471.693.756	80%

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất quý II/2021 tăng 80% tương đương 757.471.693.756 đồng so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ sở hữu của VEAM tại công ty liên doanh, liên kết (*Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết*) tăng mạnh 99% tương đương 759.812.977.876 đồng.

**Bảng 2.2: Biến động kết quả hoạt động kinh doanh
hợp nhất 6 tháng đầu năm 2021**

CHỈ TIÊU	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020 (VND)	Chênh lệch	
			Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Doanh thu thuần về BH & CCDV	2.044.050.356.780	1.758.814.498.561	285.235.858.219	16%
Giá vốn hàng bán	1.770.078.533.686	1.580.208.224.880	189.870.308.806	12%
Lợi nhuận gộp về BH & CCDV	273.971.823.094	178.606.273.681	95.365.549.413	53%
Doanh thu hoạt động tài chính	387.617.488.398	483.204.387.501	(95.586.899.103)	-20%
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	2.812.982.542.260	1.936.065.234.653	876.917.307.607	45%
Chi phí bán hàng	38.578.954.572	32.742.842.216	5.836.112.356	18%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	189.521.557.903	187.586.894.001	1.934.663.902	1%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.155.423.681.066	2.276.961.543.715	878.462.137.351	39%

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất 6 tháng đầu năm 2021 tăng 39% tương đương 878.462.137.351 đồng so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ sở hữu của VEAM tại công ty liên doanh, liên kết (*Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết*) tăng mạnh 45% tương đương 876.917.307.607 đồng.

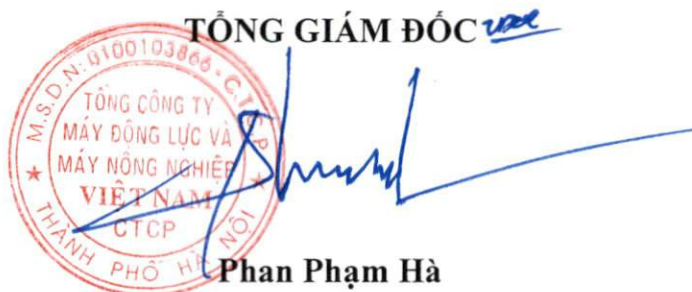
Trên đây là giải trình các lý do chính ảnh hưởng đến biến động lợi nhuận sau thuế quý II năm 2021 và Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2021 thay đổi từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm trước của Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất VEAM.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (để b/c);
- Ban kiểm soát;
- Đăng website VEAM;
- Lưu: VT, TCKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC *vae*



Phan Phạm Hà